

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 1707/SGDDĐT-GDTrH ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Sở GDĐT)

TRƯỜNG THPT ÂU CƠ
TỔ TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TIN HỌC, KHỐI LỚP 12 (Năm học 2023 - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 04; Số học sinh: 134; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 0

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 02; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên¹: Tốt: 02; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu, ti vi	01	Bài 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Thực hành tin học	02	Toàn trường, dạy học và thực hành	
2				

2. Kế hoạch dạy học²

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

2.1. Phân phối chương trình

HỌC KỲ II: 9 tuần x 2 tiết+ 9 tuần x 1 tiết = 27 tiết

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	CHƯƠNG I : Khái niệm về Cơ sở dữ liệu	7	
2	§1.Một số khái niệm cơ bản	3	- Biết được 1 bài toán quản lý là gì? - Biết được các công việc thường gặp khi xử lý thông tin. - Biết khái niệm CSDL; - Biết vai trò của CSDL trong học tập và đời sống; - Biết các yêu cầu cơ bản đối với hệ CSDL. - Phân biệt được CSDL Và hệ quản trị CSDL; - Bước đầu phân tích và xử lý thông tin quản lý của một tổ chức. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
3	§2.Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	- Biết các chức năng của hệ QTCSDL - Biết vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL: Người quản trị CSDL; Người lập trình ứng dụng; Người dùng. - Bước đầu hình thành kĩ năng khảo sát thực tế cho ứng dụng CSDL. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
4	Bài tập	1	Kiến Thức: Học sinh nắm các khái niệm đã học: CSDL, sự cần thiết phải có CSDL lưu trên máy tính, hệ QTCSDL?, hệ CSDL? Mối tương tác giữa các thành phần của hệ CSDL, các yêu cầu cơ bản của hệ CSDL qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận.. Kĩ năng: Học sinh nắm các khái niệm đã học: CSDL, sự cần thiết phải có CSDL lưu trên máy tính, hệ QTCSDL?, hệ CSDL?

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

			năng lực: Năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực quan sát, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực tính toán, năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống ...
5	Bài thực hành 1: Tìm hiểu CSDL	1	-Biết xác định những việc cần làm trong hoạt động quản lý một công việc đơn giản. -Biết được 1 số công việc cơ bản khi xây dựng một CSDL đơn giản. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
	CHƯƠNG II : Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access	19	
6	Bài 3: Giới thiệu về MICROSOFT ACCESS	2	-Hiểu được các chức năng chính của access: tạo lập bảng, thiết lập mối liên kết giữa các bảng, cập nhật và kết xuất thông tin. -Biết có 4 đối tượng chính trong access: bảng, mẫu hỏi, biểu mẫu và báo cáo. -Biết có 2 chế độ làm việc với các đối tượng : chế độ thiết kế và chế độ trang dữ liệu - Biết có các cách tạo các đối tượng: dùng thuật sĩ và tự thiết kế hoặc dùng cả 2 cách trên Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
7	Bài 4: Cấu trúc bảng	1	- Hiểu được khái niệm chính trong cấu trúc bảng, bản ghi, kiểu dữ liệu, khóa. -Biết các bước tạo, sửa cấu trúc bảng -Bước đầu có kĩ năng tạo sửa cấu trúc bảng và khai báo khóa đơn giản là một trường. -Nhập được dữ liệu vào bảng, cập nhật dữ liệu. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
8	Bài tập	1	- Biết các thành phần tạo nên Table, các kiểu dữ liệu trong Access, khái niệm về khóa chính, sự cần thiết của việc đặt khóa chính cho Table. - Nắm qui trình thiết kế bảng, biết nhận diện trường nào có thể đặt khóa chính, nếu không có trường đặt khóa chính chấp nhận để Access tạo trường khóa chính ID. Nắm một vài tính chất của trường (Field Properties): Field size, format, Caption, Require

			Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
9	Bài tập và thực hành 2: Tạo cấu trúc bảng	2	Thực hiện được các thao tác cơ bản: khởi động và kết thúc Access, tạo CSDL mới. Năng lực Năng lực giải quyết vấn đề thông qua trao đổi, thảo luận, lực tự học, đọc hiểu, lực trình bày thông tin Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
10	§5.Các thao tác cơ bản trên bảng	1	-Học sinh biết được các thao tác cơ bản sau: Cập nhật CSDL: Thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi; Sắp xếp dữ liệu; Tìm kiếm và lọc dữ liệu; In dữ liệu; -Bước đầu hình thành một số kĩ năng thực hiện các thao tác cơ bản nêu trên. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
11	Bài thực hành số 3. Thao tác trên bảng	2	- Thực hiện được các thao tác trên bảng, làm việc với bảng trong cả hai chế độ; -Luyện kĩ năng thao tác trên bảng; -Sử dụng các công cụ lọc, sắp xếp để kết xuất thông tin từ bảng.
12	Ôn tập	1	HS nắm chắc một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về Ms Acces:các chức năng cơ bản của Access, các yếu tố tạo nên Table, Vì sao phải tạo mối quan hệ? Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng, hiệu chỉnh dây quan hệ, xóa dây quan hệ, nhập dữ liệu cho bảng. Nắm vững các qui trình tạo, thiết lập quan hệ, nhập dữ liệu cho Table. Năng lực: Năng lực trình bày vấn đề thông tin, giải quyết vấn đề trao đổi thảo luận. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
13	Kiểm tra giữa kỳ I	1	
14	§6.Biểu mẫu	1	Hiểu khái niệm biểu mẫu, công dụng của biểu mẫu; -Biết các chế độ làm việc với biểu mẫu: chế độ trang dữ liệu, chế độ thiết kế, chế độ biểu mẫu; -Biết cách tạo biểu mẫu đơn giản và dùng chế độ thiết kế để chỉnh sửa cấu trúc biểu mẫu; -Biết sử dụng biểu mẫu để nhập và chỉnh sửa dữ liệu; -Sử dụng được biểu mẫu để nhập và chỉnh sửa dữ liệu Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy.

			Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
15	Bài thực hành số 4. Tạo biểu mẫu đơn giản	2	-Tạo biểu mẫu, chỉnh sửa biểu mẫu trong chế độ thiết kế -Nhập dữ liệu cho bảng bằng biểu mẫu -Cập nhật và tìm kiếm thông tin.
16	§7.Liên kết giữa các bảng	1	-Biết khái niệm liên kết giữa các bảng, sự cần thiết và ý nghĩa của việc liên kết. -Biết cách tạo liên kết trong Access. -Tạo được liên kết đúng giữa các bảng trong Access. - Khắc phục được một số lỗi cơ bản trong quá trình liên kết bảng. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
17	Bài thực hành số 5. Liên kết giữa các bảng	1	Tạo CSDL có nhiều bảng -Rèn luyện kỹ năng tạo liên kết,sửa liên kết giữa các bảng. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
18	§8. Truy vấn dữ liệu	2	-Biết khái niệm mẫu hỏi và công dụng của mẫu hỏi. -Biết vận dụng một số hàm cơ bản và phép toán thông dụng tạo ra các biểu thức số học, biểu thức điều kiện, biểu thức logic để xây dựng mẫu hỏi. -Biết các bước chính để tạo mẫu hỏi và tạo được mẫu hỏi đơn giản. -Thực hiện được tạo mẫu hỏi thỏa mãn điều kiện nào đó. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
19	Ôn tập	1	- Làm được bài tập tổng hợp tạo bảng, tạo biểu mẫu, liên kết giữa các bảng, tạo được mẫu hỏi tính toán dữ liệu theo yêu cầu. - Làm được các bài tập trắc nghiệm chương 1 và chương 2.
20	Kiểm tra học kỳ I	1	
HỌC KỲ II: 8 tuần x 2 tiết+ 9 tuần x 1 tiết = 25 tiết			
21	Bài thực hành số 6: Mẫu hỏi	2	- Làm quen với mẫu hỏi kết xuất thông tin từ 1 bảng

	trên bảng		-Tạo được những biểu thức với điều kiện đơn giản -Làm quen với mẫu hỏi có sử dụng gộp nhóm, biết sử dụng các hàm gộp nhóm ở mức độ đơn giản.
22	Bài thực hành số 7: Mẫu hỏi trên nhiều bảng	2	- Tạo mẫu hỏi kết xuất thông tin từ nhiều bảng - Củng cố và rèn luyện kỹ năng tạo mẫu hỏi. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
23	§9 Báo cáo và kết xuất báo cáo	1	-Biết khái niệm và vai trò của báo cáo. -Biết các bước để lập báo cáo đơn giản. - Bước đầu tạo được báo cáo bằng thuật sĩ, thực hiện được lưu trữ và in báo cáo. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
24	Bài thực hành số 8: Tạo báo cáo	2	- Củng cố những kiến thức đã học về cách tạo báo cáo. - Biết thực hiện các kỹ năng cơ bản để tạo báo cáo đơn giản bằng thuật sĩ. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
25	Ôn tập	1	- Biết khái niệm báo cáo và lợi ích của báo cáo trong công việc quản lý. - Biết vai trò của nó, biết các bước lập báo cáo. - Biết các chế độ làm việc của báo cáo. - Biết cách tạo báo cáo đơn giản bằng thuật sĩ. - Khắc phục được một số lỗi cơ bản trong quá trình tạo báo cáo. - Biết lưu và in báo cáo. Năng lực: - Tự giác, tích cực và chủ động tự tìm hiểu, khám phá, đặc biệt là khả năng làm việc theo nhóm, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. - Rèn luyện học sinh ham thích môn học. - Nghiêm túc, tập trung tốt Cho bài kiểm tra. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm

26	Kiểm tra giữa kỳ 2	1	
27	Bài thực hành số: 9 Bài thực hành tổng hợp	2	Làm được bài tập tổng hợp tạo bảng, tạo biểu mẫu, liên kết giữa các bảng, tạo được mẫu hỏi tính toán dữ liệu theo yêu cầu.
	CHƯƠNG III: Hệ cơ sở dữ liệu quan hệ	8	
28	§10. Cơ sở dữ liệu quan hệ	3	Biết khái niệm mô hình dữ liệu, các loại mô hình dữ liệu. -Biết các đặc trưng cơ bản của mô hình quan hệ. -Xác định các bảng và khoá liên kết giữa các bảng của bài toán quản lí đơn giản. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
29	Bài thực hành số 10: Hệ cơ sở dữ liệu quan hệ	2	- Biết chọn khoá cho các bảng dữ liệu trong một bài toán quen thuộc; - Hiểu được khái niệm liên kết giữa các bảng; - Biết cách xác lập liên kết giữa các bảng thông qua khoá để có thể tìm được những thông tin liên quan đến một cá thể được quản lí. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
30	§11. Các thao tác với CSDL quan hệ	2	Biết các chức năng mà hệ QTCSĐL quan hệ phải có và vai trò, ý nghĩa của các chức năng đó trong quá trình tạo lập, cập nhật và khai thác hệ QTCSĐL quan hệ. -Thực hiện được các thao tác: tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
	CHƯƠNG IV: Kiến trúc và bảo mật các hệ CSDL	7	
31	Bài 12: Các loại kiến trúc của hệ CSDL	3	- Biết khái niệm về các cách tổ chức CSDL tập trung và CSDL phân tán - Biết ưu, nhược điểm của mỗi cách tổ chức Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm

			chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
32	§13. Bảo mật thông tin trong các hệ	2	-Biết khái niệm bảo mật và sự tồn tại các quy định, các điều luật bảo vệ thông tin. -Biết một số cách thông dụng bảo mật CSDL. -Biết tầm quan trọng của bảo mật CSDL -Hiểu 1 số giải pháp thông dụng bảo mật CSDL. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
33	Ôn tập	1	- Hệ thống lại tất cả các kiến thức Hk 2
34	Ôn tập	1	- Hệ thống lại tất cả các kiến thức Hk 2
35	Kiểm tra học kỳ II	1	

2.2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Liên kết giữa các bảng và thực hành liên kết giữa các bảng	2	-Biết khái niệm liên kết giữa các bảng, sự cần thiết và ý nghĩa của việc liên kết. -Biết cách tạo liên kết trong Access. -Tạo được liên kết đúng giữa các bảng trong Access. - Khắc phục được một số lỗi cơ bản trong quá trình liên kết bảng. - Tạo CSDL có nhiều bảng -Rèn luyện kỹ năng tạo liên kết,sửa liên kết giữa các bảng Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm
2	Báo cáo và kết xuất báo cáo	3	Tạo CSDL có nhiều bảng -Rèn luyện kỹ năng tạo liên kết,sửa liên kết giữa các bảng. Năng lực: - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp, làm chủ bản thân. - Năng lực tự học, tư duy. Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45	Tuần 7	HS nắm chắc một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về Ms Acces: các chức năng cơ bản của Access, các yếu tố tạo nên Table, Vì sao phải tạo mối quan hệ? Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng, hiệu chỉnh dây quan hệ, xóa dây quan hệ, nhập dữ liệu cho bảng. Nắm vững các qui trình tạo, thiết lập quan hệ, nhập dữ liệu cho Table.	Lý thuyết/thực hành
Cuối Học kỳ 1	45	Tuần 19	- Làm được bài tập tổng hợp tạo bảng, tạo biểu mẫu, liên kết giữa các bảng, tạo được mẫu hỏi tính toán dữ liệu theo yêu cầu. - Làm được các bài tập trắc nghiệm chương 1 và chương 2.	Lý thuyết
Giữa Học kỳ 2	45	Tuần 27	Biết các chức năng mà hệ QTCSDL quan hệ phải có và vai trò, ý nghĩa của các chức năng đó trong quá trình tạo lập, cập nhật và khai thác hệ QTCSDL quan hệ. -Thực hiện được các thao tác: tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ.	Lý thuyết/thực hành
Cuối Học kỳ 2	45	Tuần 34	Biết khái niệm báo cáo và lợi ích của báo cáo trong công việc quản lý. - Biết vai trò của nó, biết các bước lập báo cáo. - Biết các chế độ làm việc của báo cáo. - Biết cách tạo báo cáo đơn giản bằng thuật sĩ. - Khắc phục được một số lỗi cơ bản trong quá trình tạo báo cáo. - Biết lưu và in báo cáo.	Lý thuyết

- (1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.
- (2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.
- (3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).
- (4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

3. Các nội dung khác (nếu có):

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 2023 - 2024)

1. Khối lớp:; Số học sinh:

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Nhân

Đông Giang, ngày 05 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Văn Nghĩa